

Bản án số: 104/2023/DS-ST.
Ngày: 05-9-2023
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Ngô Thị Mỹ Hạnh**

- *Các Hội thẩm nhân dân*

Ông Nguyễn Văn Tân

Ông Võ Văn Thỏ

- Thư ký phiên tòa: ông **Nguyễn Thuận Phát** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thúy Hằng**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2023/TLST – DS ngày 20/3/2023 về tranh chấp đòi lại tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 219/2023/QĐXXST – DS ngày 02/8/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Mộng S** (vắng mặt)

Địa chỉ ấp L, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng

Bà S ủy quyền cho ông **Biện Công N**, sinh năm 1959

Địa chỉ ấp C, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Theo văn bản ủy quyền ngày 23/12/2022. (Có mặt)

- *Bị đơn:* - Ông **Trần Hòa B**, (Có mặt)

- Bà **Đỗ Thị K**, (Có mặt)

Cùng địa chỉ ấp L, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Đỗ Văn C** (có mặt)

Địa chỉ: ấp Long Thạnh, Tân Long, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng

2. Ông **Đỗ Văn M** (chết)

- *Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đỗ Văn M*

2.1 Ông **Đỗ Văn L** (vắng mặt)

2.2. Ông **Đỗ Văn N1** (vắng mặt)

2.3. Ông **Đỗ Văn C** (Có mặt)

2.4 Ông **Đỗ Văn H** (vắng mặt)

2.5 Ông **Đỗ Văn T** (vắng mặt)

Ông N1, ông L, ông H, ông T ủy quyền cho ông C theo văn bản ủy quyền ngày 05/9/2023

2.6 Bà **Đỗ Thị K**

2.7 Bà **Bùi Thị N2** (vắng mặt)

Cùng địa chỉ ấp L, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện cũng như đại diện ủy quyền nguyên đơn trình bày như sau:

Nguyên vào ngày 24/10/2004 bà S có cổ 04 công đất (tầm cây) của ông Đỗ Văn M là cha ruột của bà Đỗ Thị K với số vàng là 50 chỉ vàng 24kara (vàng 9999) giao kết đến khi nào bên phía gia đình ông M có 50 chỉ vàng sẽ chuộc lại đất, sau khi cổ bà S cho vợ chồng ông Trần Hòa B; Đỗ Thị Kiều mượn lại canh tác, hàng năm trả tiền mượn đất cho bà S.

Đến năm 2019 ông Đỗ Văn M cùng với vợ chồng ông Trần Hòa B có thỏa thuận với bà S xin chuộc lại đất và trả trước cho bà S 20 chỉ vàng, còn lại 30 chỉ vàng hẹn đến ngày 30/4/2020 sẽ trả đủ, ông Trần Hòa B có làm biên nhận cho bà S, sau đó ông M chết vợ chồng ông Trần Hòa B, bà Đỗ Thị K không trả 30 chỉ vàng cho bà S, còn 04 công đất thì bà S đã giao trả cho vợ chồng ông B canh tác từ năm 2019 đến nay rồi.

Do ông B là người ký biên nhận với bà S. Nhưng nay ông M đã chết nên tại phiên tòa đại diện ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu các thừa kế của ông Đỗ Văn M có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Mộng S 30 chỉ vàng 24kara còn nợ. Không đồng ý việc xin trả dần mỗi năm 05 chỉ vàng theo như các con của ông M yêu cầu do phần vàng này hứa năm 2020 trả nhưng đến nay không trả.

- Theo ý kiến trình bày của ông Trần Hòa B trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên cha vợ tôi là ông Đỗ Văn M lúc sinh thời cha tôi có vay của bà Nguyễn Thị Mộng S 05 cây vàng 9999, sau đó cha tôi đã giao 04 công đất cho bà Nguyễn Thị Mộng S canh tác một thời gian, thì cha tôi mới yêu cầu bà S trả lại đất thì bà S đã trả đất lại và cha tôi đã trả cho bà S được 01 cây vàng 9999, lúc đưa vàng thì cha tôi già yếu nên cha vợ tôi mới đưa cho chúng tôi 01 cây vàng đến trả cho bà S. Sau đó cha tôi chết thì 6 anh em tôi thống nhất cho ông Đỗ Văn C sử dụng hết số tài sản mà cha chúng tôi để lại và ông Đỗ Văn C cũng biết đến số nợ này của cha tôi, đến ngày 30/4/2020 ông C có đưa cho chúng tôi 01 cây vàng kêu tôi đem trả cho bà Nguyễn Thị Mộng S, nên chúng tôi có đến nhà bà S trả cho bà 01 cây vàng 9999 và bà S mới kêu tôi làm biên nhận về việc giao nhận vàng, nên chúng tôi làm biên nhận và ký tên vào chứ thực chất chúng tôi không phải là người đứng ra trả thay số nợ này.

Số nợ này của cha tôi, nay cha tôi đã chết, có để lại tài sản và các anh chị em tôi thống nhất để cho ông Đỗ Văn C sử dụng, như vậy nghĩa vụ thực hiện trả số nợ của cha tôi để lại là của ông Đỗ Văn C chứ không phải của chúng tôi.

Tại phiên tòa hôm nay theo yêu cầu của đại diện nguyên đơn yêu cầu các thừa kế của ông M trả 30 chỉ vàng 24kara cũng như việc ông C yêu cầu trả dần cho bà S mỗi năm 05 chỉ vàng cho bà S thì ông cũng thống nhất.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị K ý kiến trình bày:*

Bà thống nhất với ý kiến trình bày của ông Trần Hòa B.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn C trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay:*

Ông là con út của ông Đỗ Văn M, ông M chết cách nay 03 năm, khi chết thì ba ông không có làm di chúc để phân chia tài sản cho ai hết. Ba ông là ông M, mẹ là Bùi Thị N2 sống chung có tất cả những người còn: Đỗ Văn R chết mấy chục năm không có vợ con, Đỗ Văn L, Đỗ Văn N1, Đỗ Văn T, Đỗ Văn H, Đỗ Thị K và ông là Đỗ Văn C.

Hiện tại bà N2 sống chung nhà với ông, khi chết thì ông M có để lại đất đai và cái nhà hiện tại ông đang ở có sang tên cho ông hết, do mẹ ông bệnh và làm ăn thua lỗ nên bán hết không còn tài sản gì, phần căn nhà đang ở cũng bán cho anh em và cháu ông hết. Bán lúc ba ông còn sống, còn căn nhà thì mới bán sau khi ba ông chết, bán để lấy tiền lo bệnh cho ba má ông và đóng lãi ngân hàng do thế chấp bằng khoán vay tiền nên thiếu nợ bán đất và lo cho ba má ông. Ông B chỉ là đứng ra trả dùm số vàng 01 cây vàng lúc ba ông còn sống, lúc trước áp có mời ông B, bà Kiều d hòa giải việc bà S đòi phần vàng, ông B kêu ông lại để giải quyết, ông định là nhận trả dần nhưng phía bà S không đồng ý việc ông trả vàng dùm cho ba ông. Ông yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa ông C cũng là đại diện ủy quyền của ông N1, ông L, ông H, ông T đồng ý việc trả cho bà S 30 chỉ vàng 24kara và xin trả mỗi năm 05 chỉ vàng cho đến khi dứt số vàng 30 chỉ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm đã phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định. Đối với đương sự vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:*

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc các thừa kế của ông Đỗ Văn M có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Mộng S 30 chỉ vàng 24kara, giá vàng để quy đổi là 5.660.000 đồng/ 1 chỉ.

Các thừa kế của ông M chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục:** tại phiên tòa hôm nay vắng mặt bà Nguyễn Thị Mộng S, Bùi Thị N2, ông Đỗ Văn L, Đỗ Văn H, Đỗ Văn N1, Đỗ Văn T. Bà S có ủy quyền cho ông N; ông H, ông T, ông N1, ông L có ủy quyền cho ông C. Vì vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với các đương sự có tên nêu trên.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện. Cụ thể đại diện nguyên đơn yêu cầu các thừa kế của ông Đỗ Văn M1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Mộng S 30 chỉ vàng, xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nghĩ nên căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có xác định ông Đỗ Văn N3 là một trong số những người thừa kế của ông Đỗ Văn M là chưa chính xác, mà là Đỗ Văn N1, không có tên Đỗ Văn N3.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mộng S cho rằng năm 2004 có cổ đất của ông Đỗ Văn M 04 công đất với số vàng là 05 cây vàng 24kara (vàng 9999), sau khi cổ thì phía ông M có trả cho bà được 01 cây vàng, tiếp đến năm 2019 ông B có trả cho bà thêm được 01 cây vàng, còn lại 03 cây vàng ông B có làm biên nhận trả vàng cho bà S. Nay ông M đã chết nên tại phiên tòa đại diện ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu các thừa kế của ông M có trách nhiệm liên đới trả cho ông M 30 chỉ vàng. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn cũng như ông C là đại diện ủy quyền của những người con của ông M cũng thừa nhận việc ông M thiếu bà S 30 chỉ vàng 24kara và cũng đồng ý trả số vàng này nhưng xin trả mỗi năm 05 chỉ vàng, xét việc thừa nhận còn thiếu bà S 30 chỉ vàng của bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc ông M còn nợ bà S 30 chỉ vàng 24kara theo thỏa thuận là năm 2020 sẽ trả số vàng này phía ông Trần Hòa B có làm biên nhận trả vàng cho bà S nhưng khi đến hạn trả nợ thì phía ông M không thực hiện việc trả vàng như thỏa thuận nên việc bà S yêu cầu đòi lại phần vàng này là có căn cứ theo quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự. Nhưng nay ông M đã chết, vì vậy, căn cứ Điều 615 Bộ luật dân sự bà S yêu cầu các thừa kế của ông Đỗ Văn M gồm: Bùi Thị N2, Đỗ Văn H, Đỗ Văn N1, Đỗ Văn L, Đỗ Văn T, Đỗ Thị K, Đỗ Văn C có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Mộng S 30 chỉ vàng 24kara theo yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Đối với ý kiến xin trả dần mỗi năm 05 chỉ vàng của bị đơn và ông C tại phiên tòa hôm nay do phía đại diện nguyên đơn không đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận. Việc thỏa thuận trả

dẫn các bên có thể thực hiện thỏa thuận thêm ở giai đoạn thi hành án. Vì vậy, căn cứ Điều 615 Bộ luật dân sự buộc các thừa kế của ông Đỗ Văn M gồm: Bùi Thị N2, Đỗ Văn H, Đỗ Văn N1, Đỗ Văn L, Đỗ Văn T, Đỗ Thị K, Đỗ Văn C có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Mộng S 30 chỉ vàng 24kara, tương đương với số tiền 169.800.000 đồng.

Giá vàng quy đổi tại thời điểm xét xử là 5.660.000 đồng/ 1 chỉ.

[3] Tại tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu ý kiến là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Bùi Thị N2, Đỗ Văn H, Đỗ Văn L, Đỗ Văn N1, Đỗ Văn T, Đỗ Thị K, Đỗ Văn C cùng chịu 8.490.000 đồng (169.800.000 đồng x 5%) tiền án phí đối với phần nghĩa vụ phải thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Mộng S tiền tạm ứng án phí 4.125.000 đồng theo biên lai thu số 0006470 ngày 27/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 244, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 166, Điều 615 Bộ luật dân sự 2015.

*** Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mộng S về việc yêu cầu các thừa kế của ông Đỗ Văn M trả 30 chỉ vàng 24kara.

Buộc các thừa kế của ông Đỗ Văn M gồm: bà Bùi Thị N2, Đỗ Văn H, Đỗ Văn L, Đỗ Văn N1, Đỗ Văn T, Đỗ Thị K, Đỗ Văn C liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Mộng S số tiền tương đương với 30 chỉ vàng 24kara (vàng 9999) là 169.800.000 đồng. (Một trăm sáu mươi chín triệu, tám trăm ngàn đồng)

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi cho người được thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Bùi Thị N2, Đỗ Văn H, Đỗ Văn L, Đỗ Văn N1, Đỗ Văn T, Đỗ Thị K, Đỗ Văn C cùng chịu 8.490.000 đồng (169.800.000 đồng x 5%) tiền án phí đối với phần nghĩa vụ phải thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Mộng S tiền tạm ứng án phí 4.125.000 đồng theo biên lai thu số 0006470 ngày 27/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày tòa án tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- THADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Mỹ Hạnh